

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hoàng Hiệp

Ông Thạch Na Rết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Đức Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

- ***Đại diện*** Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Cần thơ ***tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2025/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133A/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Hoàng Kim M, sinh năm 1987. Căn cước công dân số: 070087002357. Địa chỉ: Khu phố A, phường P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn: Anh Nguyễn Phúc T, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số A đường B, phường S, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Công H, Công ty L, thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có đơn xin vắng mặt).

- ***Bị đơn:*** Anh Dương Minh T1, sinh năm 1988. Số căn cước công dân: 094088017167. Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- ***Người làm chứng:*** Ông Hồ Tuấn H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số F đường H, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/10/2025, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Phúc T - người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Do có quen biết với nhau, nên vào ngày 16/6/2024 anh Hoàng Kim M có cho anh Dương Minh T1 vay số tiền 600.000.000 đồng mà không thỏa thuận lãi suất. Anh M đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng cho anh T1 bằng hình thức chuyển khoản, số tài khoản của anh Dương Minh T1 070085777971 tại Ngân hàng TMCP S (S1) - chi nhánh S2.

Vào ngày 24/9/2024, anh M có làm văn bản ủy quyền cho anh Hồ Tuấn H1 (Căn cước công dân số 026076002578) để làm việc và xác nhận nợ với anh Dương Minh T1. Tại buổi làm việc vào ngày 26/9/2024, anh T1 cam kết chậm nhất đến 30/11/2024 sẽ trả lại tiền gốc cho anh M. Nếu không trả thì anh M có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết đòi lại số tiền gốc 600.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm tính từ ngày vay cho đến ngày thanh toán nợ. Tuy nhiên, cho đến nay anh T1 vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho anh M. Anh M đã nhiều lần liên hệ với anh T1 để yêu cầu trả lại số tiền đã vay nhưng anh T1 vẫn không trả.

Nay anh M yêu cầu Tòa án buộc anh Dương Minh T1 có trách nhiệm thanh toán cho anh M số nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 12%/năm tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/4/2026) là: $600.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 04 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 101.400.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn gốc và lãi mà anh T1 phải thanh toán cho anh M là 701.400.000 đồng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/4/2026, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 16/6/2024, anh Hoàng Kim M có cho anh Dương Minh T1 vay số tiền 600.000.000 đồng. Anh M đã chuyển số tiền 600.000.000 đồng cho anh T1 bằng hình thức chuyển khoản, số tài khoản của anh Dương Minh T1 070085777971 tại Ngân hàng TMCP S (S1) - chi nhánh S2.

Sau khi anh M cho anh T1 vay tiền, anh M có ủy quyền cho ông Hồ Tuấn H1 để làm việc xác nhận nợ với anh T1 và có lập biên bản làm việc vào ngày 26/9/2024. Anh T1 cam kết chậm nhất đến 30/11/2024 sẽ trả lại tiền gốc cho anh M. Trường hợp anh T1 không thanh toán đúng hạn thì anh M có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết đòi lại số tiền gốc 600.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm. Tuy nhiên, cho đến nay anh Dương Minh T1 vẫn chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho anh M. Nhiều lần anh M liên hệ với anh T1 nhưng anh T1 vẫn không trả nợ.

Từ những cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh T1 có trách nhiệm thanh toán số vốn vay cho anh M 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm

thanh toán tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là 12%/năm.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Hồ Tuấn H1 trình bày:

Ông là nhân viên của Công ty Cổ phần C Điều của anh Hoàng Kim M. Vào ngày 24/9/2024, ông được anh M ủy quyền cho ông để làm việc với anh Dương Minh T1 đối với khoản tiền vay 600.000.000 đồng mà anh T1 đã vay của anh M vào ngày 16/6/2024.

Tại buổi làm việc vào ngày 26/9/2024, anh T1 cam kết chậm nhất đến ngày 30/11/2024 thì anh sẽ thanh toán dứt điểm số tiền nêu trên cho anh M. Trường hợp anh T1 không thanh toán đúng hạn thì anh M có quyền khởi kiện đến Tòa án và anh T1 phải chịu tiền lãi chậm thanh toán là 12%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày vay cho đến ngày trả nợ. Chữ ký và họ tên tại mục “Đại diện bên A”, chữ ký và họ tên tại mục “Đại diện bên B” trong biên bản làm việc vào ngày 26/9/2024 đó là chữ ký và chữ viết của ông và anh T1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn và người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, đền N Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Kim M về việc yêu cầu bị đơn anh Dương Minh T1 thanh toán cho anh M số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 01/12/2024 đến ngày 28/4/2026 (ngày xét xử sơ thẩm), với mức lãi suất 12%/năm đối với số tiền vốn vay 600.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ tại phường N, thành phố Cần Thơ nên theo quy

định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] về thủ tục tố tụng:

[3.1] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn yêu cầu cho ông Hồ Tuấn H1 tham gia với tư cách là người làm chứng và ông H1 có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Kim M, về việc yêu cầu bị đơn anh Dương Minh T1 thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay 600.000.000 đồng và trả lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 đến ngày 28/4/2026 (ngày xét xử sơ thẩm), với lãi suất 12%/năm đối với số tiền gốc 600.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về nội dung vụ án: Giữa anh Hoàng Kim M với anh Dương Minh T1 có quen biết với nhau nên vào ngày 16/6/2024 anh M có chuyển khoản cho anh T1 vay số tiền 600.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 26/9/2024, anh T1 có cam kết chậm nhất đến ngày 30/11/2024 sẽ thanh toán dứt điểm số tiền vay nêu trên cho anh M. Trường hợp đến hạn thanh toán mà anh T1 không trả nợ vay thì anh M có quyền khởi kiện và khi đó anh T1 phải thanh toán tiền lãi chậm trả 12%/năm tính từ ngày vay cho đến ngày thanh toán nợ cho anh M.

[4.2] Tại bảng sao kê (Ủy nhiệm chi) của Phòng S Chi nhánh B đã cung cấp có thể hiện nội dung: Vào ngày 16/6/2024 anh Hoàng Kim M có chuyển khoản cho người thụ hưởng là anh Dương Minh T1 với số tiền là 600.000.000 đồng.

[4.3] Tại biên bản làm việc ngày 26/9/2024, anh Dương Minh T1 xin gia hạn và cam kết đến ngày 30/11/2024 sẽ thanh toán xong số nợ vay 600.000.000 đồng cho anh Hoàng Kim M. Tại phiên tòa, người làm chứng ông Hồ Tuấn H1 trình bày: “...Vào ngày 24/9/2024, ông được anh M ủy quyền cho ông để làm việc với anh Dương Minh T1 đối với khoản tiền vay 600.000.000 đồng mà anh T1 đã vay của anh M vào ngày 16/6/2024...” và khẳng định: Chữ ký và họ tên tại mục “Đại diện bên A”, chữ ký và họ tên tại mục “Đại diện bên B” trong biên bản làm việc đó là chữ ký và chữ viết của ông và anh T1.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số [4.1], [4.2] và [4.3], Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Vào ngày 16/6/2024, anh Dương Minh T1 có vay của anh Hoàng Kim M số tiền 600.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện có thật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của bộ luật tố tụng dân sự. Tại biên bản làm việc ngày 26/9/2024, anh Dương Minh T1 cam kết chậm nhất đến ngày 30/11/2024 anh T1 sẽ thanh toán dứt điểm số nợ nêu trên cho anh M. Tuy nhiên, cho đến nay anh T1 không thanh toán số tiền vay cho anh M là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn anh M yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh T1 thanh toán cho anh M số tiền vay 600.000.000 đồng đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn anh T1 có trách nhiệm trả cho anh M số tiền nêu trên là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Xét việc nguyên đơn anh Hoàng Kim M yêu cầu bị đơn anh Dương Minh T1 thanh toán tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày 28/4/2026 (ngày xét xử sơ thẩm), với mức lãi 12%/năm đối số vốn gốc 600.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1] Tại biên bản làm việc ngày 26/9/2024, bị đơn anh Dương Minh T1 cam kết chậm nhất đến ngày 30/11/2024 sẽ thanh toán xong nợ cho anh Hoàng Kim M và thỏa thuận: Trường hợp không thanh toán nợ thì anh T1 phải chịu tiền lãi suất chậm trả 12%/năm đối với số tiền vay, thời hạn tính lãi tính từ ngày 16/6/2024 đến ngày anh T1 thanh toán nợ cho anh M. Nhưng sau ngày 30/11/2024 cho đến nay, anh T1 vẫn chưa thanh toán số tiền vay cho anh M là vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn anh M yêu cầu bị đơn anh T1 thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/4/2026), với mức lãi suất 12%/năm, là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Cụ thể: Số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày 28/4/2026 là: 01 năm 04 tháng 27 ngày x 12%/năm x 600.000.000 đồng = 101.400.000 đồng.

[7] Như vậy tổng số tiền vốn và lãi mà anh Dương Minh T1 có trách nhiệm thanh toán cho anh Hoàng Kim M là 701.400.000 đồng (*bảy trăm lẻ một triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

[8] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Kim M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Dương Minh T1 phải trả lãi cho anh M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Xét lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Dương Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 463, Khoản 4 Điều 466, khoản 1 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Kim M đối với bị đơn anh Dương Minh T1.

- Buộc bị đơn anh Dương Minh T1 thanh toán cho anh Hoàng Kim M số tiền vay và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 701.400.000 đồng (*bảy trăm lẻ một triệu, bốn trăm ngàn đồng*). Trong đó, số tiền vốn vay 600.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là 101.400.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Kim M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng anh Dương Minh T1 phải trả lãi cho anh M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh Hoàng Kim M không phải chịu tiền án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.252.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012644 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn anh Dương Minh T1 phải chịu 32.056.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
THADS thành phố Cần Thơ;
TAND thành phố Cần Thơ;
Các đương sự;
Lưu VT, hồ sơ vụ
n.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐẶNG VĂN ĐUA

